

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 09-5-2024
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài
sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Linh và ông Nguyễn Trường Ca

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Chí Linh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 12
năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4
năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐST-DS ngày 25-4-2024
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Bị đơn: Chị Dương Thị Thanh H, sinh năm 1987

ĐKHKTT: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư L, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Ông Đặng Thái L, sinh
năm 1985

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Người được ủy quyền của chị T: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương

(chị T, ông L, bà C đều vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt, chị H
vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị có quan hệ quen biết với chị Dương Thị Thanh H từ năm 2022. Do chị và chị H cùng làm ăn đầu tư vào bất động sản. Quá trình quen biết có lần chị H đã hỏi vay chị số tiền 200.000.000 đồng để làm ăn. Chị đồng ý và chị H cũng trả đúng hạn. Ngày 30-3-2023 chị H lại gặp và hỏi vay tiền chị số tiền là 100.000.000 đồng, chị đồng ý cho vay. Hai bên có làm giấy tờ vay nợ do chính chị H viết với nội dung vay của chị số tiền 100.000.000 đồng và hạn 2 tháng sẽ cho cho chị. Đến ngày 16-5-2023 chị H lại đến gặp chị hỏi vay số tiền là 300.000.000 đồng. Chị cũng đồng ý cho chị H vay và chị H tự viết giấy vay tiền và cũng hạn thời hạn vay là 2 tháng. Đến hạn khoản nợ thứ nhất chị đến gặp chị H để đòi nhưng chị nói đang khó khăn nên khát nợ. Đến hạn trả khoản nợ thứ 2 cũng không thấy chị H trả. Nhiều lần chị đến gặp chị H để yêu cầu trả nợ nhưng chị H không gặp.

Chị H khai chỉ còn nợ chị số tiền 370.000.000 đồng là không đúng. Vì lần thứ nhất vay số tiền 100.000.000 đồng chị đưa cho chị H số tiền mặt là 10.000.000 và chuyển tài khoản 90.000.000 đồng, chị H có viết giấy vay tiền. Lần thứ 2 vay số tiền 300.000.000 đồng, do trước đó chị H đã vay của chị số tiền 169.000.000 đồng, chị chuyển cho chị H qua tài khoản nên ngày 16-5-2023 chị đưa tiền mặt cho chị H số tiền là 131.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị H phải trả cho chị tổng số tiền nợ 2 lần vay là 400.000.000 đồng và tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất. Tuy nhiên sau đó chị thay đổi ý kiến chị yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ trả lãi cho chị theo mức lãi suất chậm trả là 9%/ năm, tức là 0,75%/tháng. Cụ thể như sau:

Khoản vay 100.000.000 đồng yêu cầu chị H phải trả lãi từ ngày 01-6-2023 tạm tính đến ngày 01-01-2024 là 7 tháng = 5.250.000 đồng;

Khoản vay 300.000.000 đồng yêu cầu chị H phải trả lãi từ ngày 17-7-2023 tạm tính đến ngày 17-12-2023 là 5 tháng = 11.250.000 đồng.

Chị H phải tiếp chịu lãi suất đến khi Toà án giải quyết xong vụ án. Số tiền chị cho chị H vay là tiền riêng làm ăn kinh doanh của chị không liên quan đến chồng chị.

Ngày 08-5-2024 chị T nộp đơn trình bày xin được vắng mặt tại phiên toà và giữ nguyên quan điểm yêu cầu chị H phải trả số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi như trong quá trình giải quyết. Về lãi suất chị yêu cầu chị tự nguyện tính tròn tháng như sau:

Khoản vay 100.000.000 đồng chị H phải trả lãi từ ngày 01/6/2023 đến ngày 09/5/2024 là 11 tháng = 8.250.000 đồng.

Khoản vay 300.000.000 đồng chị **H** phải trả lãi từ ngày 17/7/2023 đến ngày 09/5/2024 là 9 tháng = 20.250.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là 28.500.000 đồng

Tổng số tiền gốc và lãi chị **H** phải trả cho chị **T** là 428.500.000 đồng.

Bị đơn chị **Dương Thị Thanh H** trình bày: Chị có quan hệ quen biết với chị **Nguyễn Thị T**. Do có nhu cầu cần vay vốn làm ăn kinh doanh nên có hỏi vay tiền chị **T**. Chị có vay tiền của chị **T** làm nhiều lần qua tài khoản. Sau đó chị có làm giấy vay tiền cho chị **T**.

Toà án cho chị xem giấy vay tiền ngày 30-3-2023 ; giấy vay tiền ngày 16-5-2023. Chị không xác định được qua bản pho tô khi nào Toà án cho chị xem bản gốc thì chị mới xác định được. Chị xác định chỉ vay của chị **T** số tiền là 370.000.000 đồng. Chị **T** chuyển qua tài khoản cho chị. Khi vay hai bên có thoả thuận lãi suất là 5000 đồng/ triệu/ ngày và chỉ nói miệng với nhau không làm giấy tờ gì. Hiện nay chị xác định tiền gốc còn nợ chị **T** là 370.000.000 đồng. Tiền lãi hàng chị chuyển qua tài khoản và tiền mặt cho chị **T**. Chị đã trả lãi đến tháng 01-2024. Tài liệu về việc trả lãi chị sẽ nộp cho Toà án vào ngày 18-3-2024. Chị chỉ đồng ý trả cho chị **T** số tiền còn nợ là 370.000.000 đồng và trả dần. Chị không có khả năng để trả nợ được. Sau đó chị **H** thay đổi quan điểm xác định nợ chị **T** số tiền 400.000.000 đồng là đúng. Tuy nhiên hiện nay chị không có điều kiện trả ngay số tiền này. Chị xin được trả dần, trả gốc trước lãi sau. Việc này chị đề nghị Toà án cho hai bên tự giải quyết, chị không muốn liên quan đến Toà án. Số tiền vay chị **T** là chị làm ăn không liên quan đến ai. Chị và chồng đã ly hôn năm 2019. Nếu trường hợp chị là chị **T** không thoả thuận được thì Toà án căn cứ theo quy định để giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị T** và chị **Dương Thị Thanh H** đều vắng mặt tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, đương sự, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70,71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463,464,465,466; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Buộc chị Dương Thị Thanh H phải có trách nhiệm trả lại cho chị T số tiền là 428.500.000 (bốn trăm hai mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng (trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi 28.500.000 đồng).

2. Về án phí: Chị Dương Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Dương Thị Thanh H có đăng kí hộ khẩu thường trú tại khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T, bà C, ông L đã được Tòa án triệu tập họp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị H đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1,2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, chị H, ông L, bà C.

[2]. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chị Dương Thị Thanh H phải trả số tiền gốc là 400.000.000 đồng thì thấy:

Chị T và chị H cùng xác định hai bên có quan hệ quen biết với nhau. Chị H xác định còn nợ chị T số tiền là 400.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 30-3-2023 và ngày 16-5-2023 là đúng. Chị H đồng ý có trách nhiệm trả cho chị T số nợ trên. Do vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, căn cứ theo quy định tại Điều 463,464,465 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc chị Dương Thị Thanh H phải trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 400.000.000 đồng.

Về lãi suất: Theo giấy vay nợ ngày 30-3-2023 và ngày 16-5-2023 chị T đều cam kết thời gian trả nợ là sau 2 tháng. Tuy nhiên sau thời gian đó H không thực hiện đúng việc trả nợ cho chị T. Do vậy chị H đã vi phạm nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật tố dân sự. Chị T yêu cầu chị H phải trả lãi suất là 0,75%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu về việc buộc chị H phải trả lãi suất chậm trả cho chị T. Do chị T tự nguyện yêu cầu số tiền lãi theo thời gian tròn tháng nên tiền lãi cụ thể:

-Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng vào ngày 30-3-2023, chị H có trách nhiệm trả tiền lãi suất cho chị T kể từ ngày 01-6-2023 đến ngày 09-5-2023= 100.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 11 tháng = 8.250.000 đồng.

Đối với số tiền vay 300.000.000 đồng vào ngày 15-5-2023, chị **H** có trách nhiệm trả tiền lãi suất cho chị **T** kể từ ngày 17-7-2023 đến ngày 09-5-2023 = $300.000.000 \text{ đồng} \times 0.75\%/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng} = 20.250.000 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi chị **Dương Thị Thanh H** phải trả cho chị **Nguyễn Thị T** là 428.500.000 (bốn trăm hai mươi tám triệu năm trăm). Trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng; tiền lãi là 28.500.000 đồng.

Về án phí: Yêu cầu của chị **Nguyễn Thị T** được chấp nhận nên chị **Dương Thị Thanh H** phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463,464,465,466; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1,2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị T**. Buộc chị **Dương Thị Thanh H** phải có trách nhiệm trả lại cho chị **T** số tiền là 428.500.000 (*bốn trăm hai mươi tám triệu năm trăm nghìn*) đồng (trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi 28.500.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người yêu cầu có đơn thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357; 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị **Dương Thị Thanh H** phải chịu 21.140.000 (*hai mươi một triệu một trăm bốn mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị **T** được hoàn trả lại 10.000.000 (*mười triệu*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền kí hiệu: BLTU/23 số 0003780 ngày 22-12-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

Nguyên đơn, bị đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nguyệt

